

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 - 6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>14 - 33</b>

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636299 ngày 25 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 14 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ từ 61.417.920.000 VND lên 70.629.790.000 VND.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3772 6966
- Fax : (024) 3772 6989

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 2 tòa nhà thương mại Sholega - số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Lầu 6, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Lầu 3, tòa nhà SCETPA, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi  
*Chi tiết: Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;*
- Sửa chữa máy móc, thiết bị  
*Chi tiết: Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;*
- Hoạt động viễn thông khác  
*Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;*
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Đức Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020
Ông Cao Thành Chung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Bà Phạm Thị Thu Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 03 tháng 08 năm 2020
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 11 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Hải - Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

AAS  
CHỈ  
CỔ  
CH N  
M T C  
A  
T A  
V G



Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0190/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

11/5/21

5-002-C  
HÀNH  
TY  
HỮU H  
TÁ TỬ VÀ  
C  
NỘI  
TP. H.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 25 tháng 03 năm 2020.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021



**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1*



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>295.976.386.524</b>	<b>277.088.510.896</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>111.290.935.023</b>	<b>102.697.306.777</b>
1. Tiền	111		41.790.935.023	33.197.306.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.500.000.000	69.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.343.016.386</b>	<b>35.153.009.212</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	30.343.016.386	35.153.009.212
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>146.165.179.277</b>	<b>135.089.333.972</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	142.752.513.500	129.766.145.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	440.243.806	1.012.922.447
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.922.634.638	4.493.114.451
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(950.212.667)	(182.848.694)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.491.363.576</b>	<b>2.719.213.456</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5.491.363.576	2.719.213.456
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.685.892.262</b>	<b>1.429.647.479</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.685.892.262	1.429.647.479
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

000449  
CHI  
CỔ  
HÁCH N  
KIỂM T  
T  
ÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.374.800.420</b>	<b>12.528.859.434</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.777.915.539</b>	<b>3.427.915.539</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.777.915.539	3.427.915.539
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>161.666.266</b>	<b>8.325.930.082</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	161.666.266	8.325.930.082
<i>Nguyên giá</i>	222		263.026.477.105	264.045.477.105
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(262.864.810.839)	(255.719.547.023)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.019.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.019.000.000)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.435.218.615</b>	<b>775.013.813</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.435.218.615	775.013.813
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>301.351.186.944</b>	<b>289.617.370.330</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>114.144.078.057</b>	<b>107.441.292.684</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.093.078.057</b>	<b>107.390.292.684</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	52.414.570.645	57.555.748.680
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.113.899.750	41.428.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	9.313.204.760	9.704.479.178
4. Phải trả người lao động	314		27.308.337.476	16.521.699.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.716.439.702	19.028.323.636
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.454.545	5.454.546
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	5.167.664.304	3.589.036.058
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.053.506.875	944.123.311
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>51.000.000</b>	<b>51.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	51.000.000	51.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>187.207.108.887</b>	<b>182.176.077.646</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>187.207.108.887</b>	<b>182.176.077.646</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		75.679.382.860	69.548.407.287
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.897.936.027	41.997.880.359
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.113.737.819	41.997.880.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.784.198.208	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>301.351.186.944</b>	<b>289.617.370.330</b>

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	710.370.924.877	651.211.126.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		710.370.924.877	651.211.126.979
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	654.318.308.865	596.886.995.968
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.052.616.012	54.324.131.011
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.580.733.490	4.947.417.927
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	701.412.553	357.672.567
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.174.280.110	2.127.481.797
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.050.542.220	18.176.331.043
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.707.114.619	38.610.063.531
11. Thu nhập khác	31		44.479.464	265.484.931
12. Chi phí khác	32		69.963.204	24.009.809
13. Lợi nhuận khác	40		(25.483.740)	241.475.122
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.681.630.879	38.851.538.653
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.897.432.671	8.196.660.787
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.784.198.208	30.654.877.866
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	3.208	3.194
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	3.208	3.194

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.681.630.879	38.851.538.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	8.164.263.816	21.081.456.113
- Các khoản dự phòng	03	V.6	767.363.973	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(5.501.976.912)	(5.075.192.430)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42.111.281.756	54.857.802.336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.359.388.295)	(3.188.110.699)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.772.150.120)	1.212.140.084
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.764.204.925	8.239.999.545
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.916.449.585)	4.731.996.813
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(9.696.660.787)	(7.839.087.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(2.554.335.903)	(2.066.451.379)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.576.501.991</b>	<b>55.948.288.945</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	178.486.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(287.595.609)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	5.478.148.755	4.807.819.417
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>10.478.148.755</b>	<b>4.698.709.808</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(17.461.022.500)	(10.497.204.200)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(17.461.022.500)</i>	<i>(10.497.204.200)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>8.593.628.246</b>	<b>50.149.794.553</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>102.697.306.777</b>	<b>52.547.512.224</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>111.290.935.023</b>	<b>102.697.306.777</b>

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;
- Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 2 tòa nhà thương mại Sholega - số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Lầu 6, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Lầu 3, tòa nhà SCETPA, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 2010 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.229 nhân viên), tăng mạnh số lượng nhân viên phục vụ hoạt động hỗ trợ nghiệp vụ và ứng cứu thông tin.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

002-C  
NH  
TY  
HỮU HẠN  
TƯ VÀI  
C  
HỘI  
TP. H

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là phí dịch vụ trả trước và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### *Phí dịch vụ trả trước*

Phí dịch vụ trả trước thể hiện khoản phí dịch vụ đã trả cho thời gian Công ty sử dụng dịch vụ. Phí dịch vụ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	02-06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-06

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

498  
HÌNH  
CỘNG  
HÀNH  
TỔA  
A  
TẠI  
S Đ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, dịch vụ cho thuê nhà trạm, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và một số dịch vụ, bán hàng hóa khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

154  
HÀ  
G  
M  
V  
HÀ  
A

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	113.826.786	26.823.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.677.108.237	33.170.483.279
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	69.500.000.000	69.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>111.290.935.023</u></b>	<b><u>102.697.306.777</u></b>

Các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Cửa Nam với tổng số tiền là 20.000.000.000 VND (số đầu năm là 20.000.000.000 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

#### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất từ 5,8%/năm đến 7%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Sở giao dịch và Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Cầu Giấy với tổng số tiền là 4.843.016.386 VND (số đầu năm là 4.653.009.212 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>125.024.214.645</i></b>	<b><i>106.084.755.319</i></b>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	125.020.322.645	105.375.099.218
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	-	709.656.101
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	3.892.000	-
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>17.728.298.855</i></b>	<b><i>23.681.390.449</i></b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	1.391.500.000	4.705.800.000
Công ty TNHH Truyền thông Anh Đức	1.614.608.461	4.003.681.724
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Viễn thông PT	1.897.853.100	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Đại Anh	2.903.566.182	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông HTC	1.956.825.638	2.019.239.999
Các khách hàng khác	7.963.945.474	12.952.668.726
<b>Cộng</b>	<b><u>142.752.513.500</u></b>	<b><u>129.766.145.768</u></b>

102-C  
NH  
Y  
ĐU HAI  
TƯ VÀ  
C  
HỘI  
TP. H.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ứn Việt	165.965.035	553.454.377
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	45.657.631	411.243.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Du lịch Hong Ngọc Hà – Chi nhánh Hà Nội	199.245.170	-
Các nhà cung cấp khác	29.375.970	48.225.070
<b>Cộng</b>	<b>440.243.806</b>	<b>1.012.922.447</b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.187.368.970</b>	-	<b>2.283.592.367</b>	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Phải thu dịch vụ Fast credit, hỗ trợ nghiệp vụ tạm tính	1.301.171.391	-	2.220.280.550	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Ký cược, ký quỹ	886.197.579	-	63.311.817	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.735.265.668</b>	-	<b>2.209.522.084</b>	-
Tạm ứng	1.028.408.848	-	1.763.410.637	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	422.200.074	-	398.371.917	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	284.656.746	-	47.739.530	-
<b>Cộng</b>	<b>3.922.634.638</b>	-	<b>4.493.114.451</b>	-

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone – Bên liên quan	1.160.000.000	-	1.160.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	2.617.915.539	-	2.267.915.539	-
<b>Cộng</b>	<b>3.777.915.539</b>	-	<b>3.427.915.539</b>	-

**6. Nợ xấu**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Các bên liên quan</b>		<b>576.499.870</b>	-		<b>576.499.870</b>	<b>576.499.870</b>
Công ty Dịch vụ MobiFone Trên 3 năm Khu vực 1 - Chi nhánh Tổng công ty Viễn thông MobiFone		576.499.870	-	Trên 3 năm	576.499.870	576.499.870
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	Trên 3 năm	<b>424.712.797</b>	<b>51.000.000</b>	Trên 3 năm	<b>424.712.797</b>	<b>241.864.103</b>
<b>Cộng</b>		<b>1.001.212.667</b>	<b>51.000.000</b>		<b>1.001.212.667</b>	<b>818.363.973</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	182.848.694	182.848.694
Trích lập dự phòng bổ sung	767.363.973	
Số cuối năm	<u>950.212.667</u>	<u>182.848.694</u>

#### 7. Hàng tồn kho

Là thẻ cào tồn kho, Airtime, mã thẻ datacode tồn kho.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, không có hàng tồn kho nào cần trích lập dự phòng (số đầu năm: 0 VND)

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí dịch vụ trả trước	2.175.337.478	1.032.127.580
Chi phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng	338.682.007	91.194.028
Chi phí khảo sát, cài tạo, nâng cấp văn phòng	148.150.000	41.787.697
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.722.777	264.538.174
Cộng	<u>2.685.892.262</u>	<u>1.429.647.479</u>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	5.796.396.918	264.045.477.105
Phân loại sang TSCĐ vô hình (*)	-	-	-	(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.750.708.203</b>	<b>227.373.575.620</b>	<b>1.124.796.364</b>	<b>4.777.396.918</b>	<b>263.026.477.105</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	3.066.638.827	261.315.719.014
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	29.750.708.203	219.779.564.488	1.124.796.364	5.064.477.968	255.719.547.023
Khấu hao trong năm	-	7.594.011.132	-	570.252.684	8.164.263.816
Phân loại sang TSCĐ vô hình (*)	-	-	-	(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.750.708.203</b>	<b>227.373.575.620</b>	<b>1.124.796.364</b>	<b>4.615.730.652</b>	<b>262.864.810.839</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	7.594.011.132	-	731.918.950	8.325.930.082
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>161.666.266</b>	<b>161.666.266</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(\*) Trong năm, Công ty phân loại lại “Phần mềm quản lý nhân sự oos.ghr” sang tài sản vô hình.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Là “Phần mềm quản lý nhân sự oos.ghr” được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình, tài sản này đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>304.005.260</b>	<b>1.460.985.130</b>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	14.268.900	12.303.328
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	289.736.360	1.448.681.802
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>52.110.565.385</b>	<b>56.094.763.550</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Duy Tân	6.281.199.881	6.838.671.403
Các nhà cung cấp khác	45.829.365.504	49.256.092.147
<b>Cộng</b>	<b>52.414.570.645</b>	<b>57.555.748.680</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Baza	170.070.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ditech Group	443.932.500	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Ecolife	132.912.500	-
Công ty Cổ phần SonHaGroup	135.729.000	-
Các khách hàng khác	231.255.750	41.428.150
<b>Cộng</b>	<b>1.113.899.750</b>	<b>41.428.150</b>

#### 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.417.695.160	25.894.022.640	(24.566.278.601)	5.745.439.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.159.709.742	7.897.432.671	(9.696.660.787)	3.360.481.626
Thuế thu nhập cá nhân	127.074.276	2.580.550.075	(2.500.340.416)	207.283.935
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	2.262.656.682	(2.262.656.682)	-
<b>Cộng</b>	<b>9.704.479.178</b>	<b>38.643.662.068</b>	<b>(39.034.936.486)</b>	<b>9.313.204.760</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu lệ phí sân bay	Không chịu thuế
- Doanh thu bán vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng, chăm sóc khách hàng, cho thuê viba	10%
- Các loại doanh thu khác	10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.681.630.879	38.851.538.653
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	805.532.478	2.131.765.281
- Các khoản điều chỉnh tăng	805.532.478	2.131.765.281
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	39.487.163.357	40.983.303.934
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.897.432.671</b>	<b>8.196.660.787</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>740.218.704</b>	<b>831.048.364</b>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Chi phí dịch vụ Fast Credit, văn phòng điện tử E-Office	740.218.704	831.048.364
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>11.976.220.998</b>	<b>18.197.275.272</b>
Chi phí giải thưởng chương trình khuyến mại	198.650.000	411.660.000
Phí dịch vụ nội dung và kỹ thuật	7.734.086.439	9.787.242.511
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.043.484.559	7.998.372.761
<b>Cộng</b>	<b><u>12.716.439.702</u></b>	<b><u>19.028.323.636</u></b>

#### 15. Phải trả khác

##### 15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	748.046.701	422.006.957
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	10.149.951	278.869.380
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	927.350.188	980.809.538
Cổ tức phải trả	1.076.138.200	879.713.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.405.979.264	1.027.636.983
<b>Cộng</b>	<b><u>5.167.664.304</u></b>	<b><u>3.589.036.058</u></b>

##### 15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	498.475.639	6.130.975.573	(1.320.530.333)	5.308.920.879
Quỹ phúc lợi	445.647.672	1.532.743.894	(1.233.805.570)	744.585.996
<b>Cộng</b>	<b><u>944.123.311</u></b>	<b><u>7.663.719.467</u></b>	<b><u>(2.554.335.903)</u></b>	<b><u>6.053.506.875</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	70.629.790.000	58.186.622.451	36.607.702.038	165.424.114.489
Lợi nhuận trong năm trước			30.654.877.866	30.654.877.866
Trích lập các quỹ		11.361.784.836	(14.202.231.045)	(2.840.446.209)
Trích thù lao HĐQT và BKS			(468.000.000)	(468.000.000)
Chia cổ tức			(10.594.468.500)	(10.594.468.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>69.548.407.287</b>	<b>41.997.880.359</b>	<b>182.176.077.646</b>
Số dư đầu năm nay	70.629.790.000	69.548.407.287	41.997.880.359	182.176.077.646
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	30.784.198.208	30.784.198.208
Trích lập các quỹ	-	6.130.975.573	(13.794.695.040)	(7.663.719.467)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>75.679.382.860</b>	<b>40.897.936.027</b>	<b>187.207.108.887</b>

**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty Viễn Thông MobiFone	22.080.000.000	22.080.000.000
Các cổ đông khác	48.549.790.000	48.549.790.000
<b>Cộng</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>70.629.790.000</b>

**17c. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.062.979	7.062.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2020/MFS ngày 24 tháng 06 năm 2020 như sau:

	<b>VND</b>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 17.657.447.500
• Trích thù lao HĐQT và BKS	: 432.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (25%)	: 7.663.719.467
• Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	: 6.130.975.573

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không còn số dư ngoại tệ (số đầu năm là 9.283 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	264.517.971.782	222.019.267.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	445.758.865.282	429.112.155.695
Doanh thu khác	94.087.813	79.703.792
<b>Cộng</b>	<b><u>710.370.924.877</u></b>	<b><u>651.211.126.979</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone</b>		
Bán hàng hóa	702.256.000	427.268.000
Cung cấp dịch vụ	383.071.578.503	333.510.716.385
Tiền điện thu hộ trả hộ	94.087.813	79.703.792

**Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam**

Cung cấp dịch vụ		645.141.910
------------------	--	-------------

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone**

Cung cấp dịch vụ	61.178.370	
------------------	------------	--

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	263.868.742.726	221.286.742.986
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	390.355.478.326	375.520.549.190
Giá vốn khác	94.087.813	79.703.792
<b>Cộng</b>	<b><u>654.318.308.865</u></b>	<b><u>596.886.995.968</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	5.501.976.912	4.807.819.417
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.587.648	105.113.013
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	37.168.930	34.485.497
<b>Cộng</b>	<b><u>5.580.733.490</u></b>	<b><u>4.947.417.927</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	57.705.995	42.640.560
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.837.546
Chi phí tài chính khác	643.706.558	313.194.461
<b>Cộng</b>	<b><u>701.412.553</u></b>	<b><u>357.672.567</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.400.000	350.650.510
Các chi phí khác	1.106.880.110	1.776.831.287
<b>Cộng</b>	<b><u>1.174.280.110</u></b>	<b><u>2.127.481.797</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.024.065.169	11.151.096.928
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.529.628	169.758.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.999.996	304.771.669
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	767.363.973	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.085.414.954	5.468.704.058
Các chi phí khác	38.168.500	1.073.000.281
<b>Cộng</b>	<b><u>21.050.542.220</u></b>	<b><u>18.176.331.043</u></b>

#### 7. Lãi trên cổ phiếu

##### 7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.784.198.208	30.654.877.866
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(7.696.049.552)	(7.663.719.467)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (*)	(432.000.000)	(432.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.656.148.656	22.559.158.399
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.062.979	7.062.979
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.208</u></b>	<b><u>3.194</u></b>

(\*) Để phục vụ mục đích trình bày chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 25% lợi nhuận sau thuế, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tạm tính theo số năm trước.

##### 7b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại giảm từ 4.340 VND xuống còn 3.194 VND do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	656.478.326	606.599.915
Chi phí nhân công	199.027.818.860	123.911.990.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.164.263.816	21.081.456.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.659.784.028	175.310.069.270
Chi phí khác	49.711.919.988	74.993.950.320
<b>Cộng</b>	<b><u>413.220.265.018</u></b>	<b><u>395.904.065.822</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm nay</b>				
Ông Trường Duy Phúc - Chủ tịch HĐQT	941.505.499	47.000.000	84.000.000	1.072.505.499
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	780.930.651	38.000.000	60.000.000	878.930.651
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	471.523.023	23.600.000	60.000.000	555.123.023
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	478.841.034	23.600.000	60.000.000	562.441.034
Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT			60.000.000	60.000.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.672.800.207</u></b>	<b><u>132.200.000</u></b>	<b><u>432.000.000</u></b>	<b><u>3.237.000.207</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>				
Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch HĐQT			84.000.000	84.000.000
Ông Trương Duy Phúc - Thành viên HĐQT	300.593.943	13.541.667	60.000.000	374.135.610
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	751.754.363	62.000.000	60.000.000	873.754.363
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	449.353.506	38.000.000	25.000.000	512.353.506
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	461.772.161	38.000.000	25.000.000	524.772.161
Ông Nguyễn Ngọc Linh - Thành viên HĐQT			35.000.000	35.000.000
Bà Giang Thu Hương - Thành viên HĐQT			35.000.000	35.000.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS			15.000.000	15.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
Bà Lê Hải Yến - Thành viên BKS			36.000.000	36.000.000
Bà Vũ Khắc Hùng - Thành viên BKS			21.000.000	21.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.963.473.973</b>	<b>151.541.667</b>	<b>468.000.000</b>	<b>2.583.015.640</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	Công ty cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	Công ty cùng Tổng Công ty

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone</b>		
Chia cổ tức	5.520.000.000	3.312.000.000
Mua hàng hóa	15.836.939.179	18.380.295.607
Sử dụng dịch vụ	10.982.217.374	10.660.364.974
<b>Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam</b>		
Sử dụng dịch vụ		1.316.983.456
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu</b>		
Sử dụng dịch vụ	132.000.000	132.000.000

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.11 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

4981  
HI NH  
CÔNG  
KHIE  
DAN  
A &  
AI HA  
DA

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**Người lập biểu**

Đỗ Thị Thanh Thủy

**Kế toán trưởng**

Nguyễn Anh Tú

**Tổng Giám đốc**

Vũ Quang Hải